

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TMA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TMA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TMA INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TMA IN.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107704778

3. Ngày thành lập: 13/01/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 20 ngách 32/48/23 Đỗ Đức Dục, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989580971

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium	0721
2.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
3.	Khai thác quặng sắt	0710
4.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
5.	Cho thuê xe có động cơ	7710
6.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
7.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
8.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
9.	Khai thác muối	0893
10.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
11.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
12.	Đúc sắt, thép	2431
13.	Đúc kim loại màu	2432
14.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
15.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
16.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
17.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
18.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (loại nhà nước cho phép)	2599
19.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
20.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651

21.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
22.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
23.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
25.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
26.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
27.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
28.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
29.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
30.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
31.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
32.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
33.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ. Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; Thiết kế phòng cháy - chữa cháy. Khảo sát địa hình Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình	7110
34.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (loại nhà nước cho phép)	7320
35.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội ngoại thất	7410
36.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
37.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
38.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
39.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
40.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ các mặt hàng nhà nước cấm)	8299
42.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
43.	Khai thác và thu gom than non	0520
44.	Khai thác dầu thô	0610
45.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
46.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
47.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
48.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
49.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
50.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
51.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
52.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
53.	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	3510
54.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
55.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
56.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
57.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
58.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
59.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
60.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
61.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
62.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
63.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
64.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
65.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
66.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (loại nhà nước cho phép)	0899
67.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
68.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
69.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
70.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
71.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
72.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
73.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394

74.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
75.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
76.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
77.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
78.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
79.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
80.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
81.	Xây dựng công trình công ích	4220
82.	Phá dỡ	4311
83.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
84.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
85.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
86.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản Tư vấn và quản lý bất động sản	6820
87.	(đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện doanh nghiệp chỉ hoạt động, kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HOÀNG XUÂN CƯỜNG	Tổ 13, Phường Nguyễn Trãi, Thành Phố Hà Giang, Tỉnh Hà Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	540.000	5.400.000.000	27,000	073374296	
			Tổng số	540.000	5.400.000.000	27,000		

2	PHAN THI THANH NHÀN	Tổ 3 đường Giáp Nhất, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	960.000	9.600.000.000	48,000	042186000073	
			Tổng số	960.000	9.600.000.000	48,000		
3	HỒ NGỌC LINH	P402-B7 tập thể Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	25,000	012826781	
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	25,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HỒ NGỌC LINH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 04/12/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 012826781

Ngày cấp: 16/10/2005

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *P402-B7 tập thể Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 20 ngách 32/48/23 Đỗ Đức Dục, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội